

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

Bản án số 109 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 14/ 11/2023

"V/v Ly hôn".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

[1] Bà Lê Thị Thận.

[2] Ông Trần Đức Hòa.

Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 162/ TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62 /QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô T t; sinh năm 1984(vắng mặt)

Địa chỉ : xóm T Nhất, xã L, huyện Đ T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn V H; sinh năm 1986(vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 4, xã M, huyện B , tỉnh Bình Phước.

Hiện đang chấp hành án tại : Đội 18, Phân trại 1, Trại giam H huyện T L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Ngô T t xin vắng mặt tại phiên tòa, Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Tôi và anh Nguyễn V H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Lương, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên số 15, quyển số 01, ngày 05/5/2008, quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, không thống nhất được ý kiến chung của gia đình, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Nguyễn H V, sinh ngày 17/01/2009, chị Ngô T t nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Bị đơn anh Nguyễn V H (xin vắng mặt tại phiên tòa) qua lời khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của cô Ngô T t về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn là đúng, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nguyễn H V, sinh ngày 17/01/2009, chị Ngô T t nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, anh đồng ý.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Ngô T t có sống chung và có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn V H, nay chị Tâm xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Ngô T t và anh Nguyễn V H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô T t và anh Nguyễn V H là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Ngô T t và anh Nguyễn V H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên không thể sống chung với nhau được nữa và đồng ý ly hôn.

Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Ngô T t được ly hôn với anh Nguyễn V H.

[4] Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Nguyễn H V; sinh ngày 17/01/2009 cho chị Ngô T t chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] .Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét

[7] .Về án phí: chị Ngô T t nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Ngô T t được ly hôn với anh Nguyễn V H.

[2] Về con chung, giao cháu Nguyễn H V; sinh ngày 17/01/2009 cho chị Ngô T t chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản chung, không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: chị Ngô T t nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001187 ngày 02/10/2023 (đã nộp xong).

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên